Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Bảo Thịnh VinaCapital (VINACAPITAL-VFF)

Ngày 31/10/2022

VINACAPITAL-VFF Chiến lược đầu tư

Mang lại lợi nhuận hấp dẫn và ổn định từ vốn đầu tư gia tăng giá trị, trái tức và các công cụ gia tăng giá trị khác.

Tối thiểu 80% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ phân bổ vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu địa phương, giấy tờ có giá phát hành bởi các tổ chức tín dụng hàng đầu, và công cụ tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập

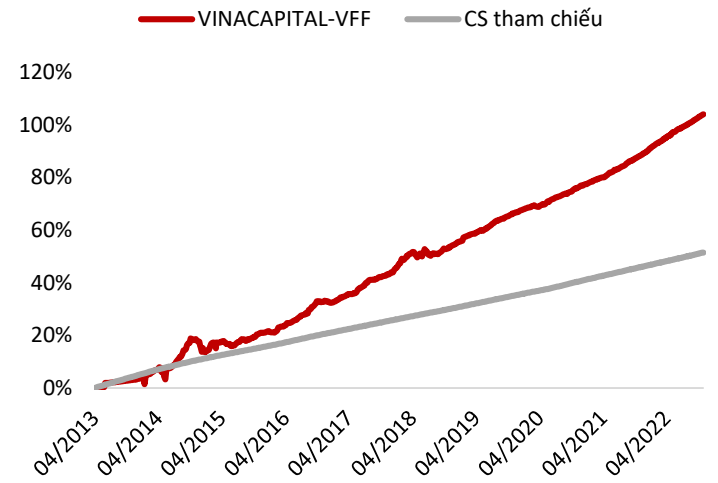

Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. Sẽ có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VFF

	VINACAPITAL-VFF	CSTC
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	1,158.3	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	20,399.5	
Lợi nhuận tháng 10/2022 (%)	0.6	0.6
Lợi nhuận từ đầu năm 2022 (%)	6.7	4.7
Lợi nhuận trung bình 3 năm (%)	7.0	5.2
Lợi nhuận trung bình hàng năm từ khi thành lập(%)	7.7	4.4
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	104.0	51.5

** CSTC: Chỉ số tham chiếu*
(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com
Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng

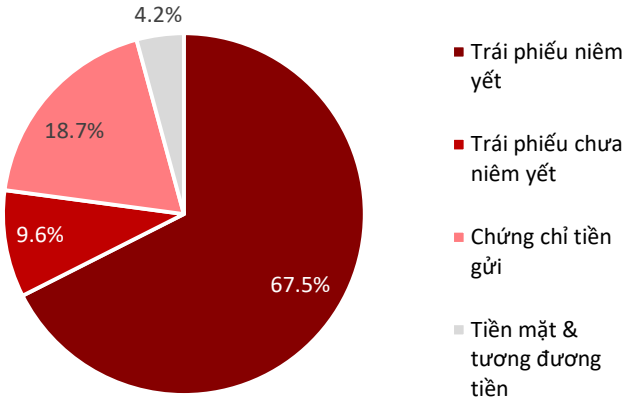

Thông tin quỹ

Ngày thành lập	1/4/2013
Phí quản lý	0.95%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng 0.5% >= 12 tháng 0.0% >= 24 tháng
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Thứ Ba và thứ Năm hằng tuần
Chỉ số tham chiếu (CSTC)	Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.

Chỉ số danh mục đầu tư

Thời gian đáo hạn bình quân	1.10
Lợi suất khi đáo hạn (%)	9.00

VinaCapital

Classified: Public

Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Bảo Thịnh VinaCapital (VINACAPITAL-VFF)

Ngày 31/10/2022

Chiến lược đầu tư

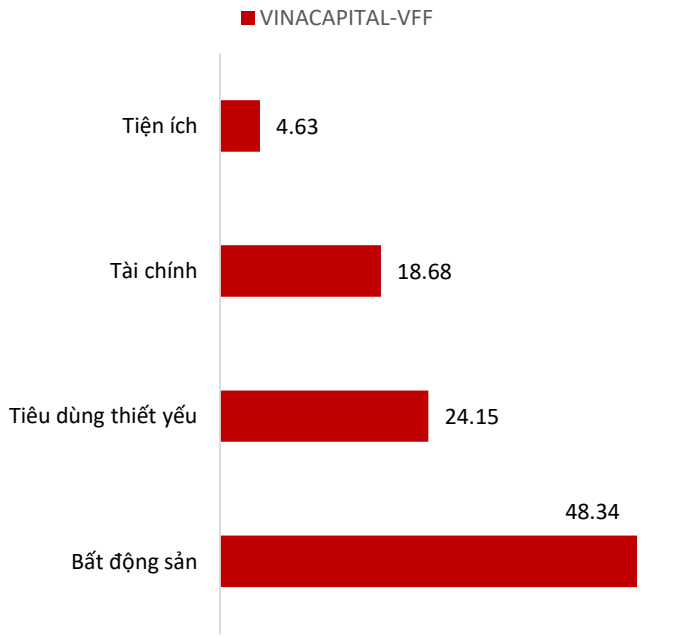

Danh mục đầu tư lớn

Tổ chức phát hành	Tỉ trọng (%)	Lợi suất (%)	Chu kỳ đáo hạn (năm)
KBC	12.3	9.8	0.6
TN1	12.2	10.0	2.0
MSN	9.9	9.2	0.8
VIC	8.7	9.7	1.2
MML	8.6	9.2	3.1

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VFF

Trong tháng 10, thanh khoản tiền đồng của thị trường tiếp tục chứng kiến sự dao động trong biên độ lớn, nguyên nhân đến từ sự kiện của Tập đoàn Vạn Thịnh Phát và ngân hàng liên quan SCB. Sự tăng mạnh trong việc rút tiền khỏi SCB thời gian này đã dẫn đến tắt nghẽn thanh khoản ngay lập tức trong hệ thống ngân hàng. Vì vậy, SBV đã can thiệp và bơm ròng 9,7 nghìn tỷ đồng thông qua nghiệp vụ thị trường mở, từ đó số dư tín phiếu và mua kỳ hạn đạt lần lượt là 77 nghìn tỷ đồng (tăng từ mức 45,3 nghìn tỷ đồng tháng 9) và 86,7 nghìn tỷ đồng (tăng từ mức 4,7 nghìn tỷ đồng tháng 9). Lãi suất liên ngân hàng theo đó cũng dao động trong biên độ lớn khi đã tăng mạnh lên ngưỡng 7%/năm trong 2 tuần đầu tiên của tháng 10 sau đó giảm nhẹ và đạt mức 5,1% kết thúc tháng, tương ứng với mức tăng 12 điểm cơ bản so với tháng trước.

Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng nhẹ trên các kỳ hạn trong tháng 10, phản ánh thanh khoản thị trường và kỳ vọng lãi suất tăng. Cụ thể, lợi suất trái phiếu trên hầu hết các kỳ hạn tăng khoảng 20-30 điểm cơ bản so với tháng trước. Đường cong lợi suất trở nên phẳng hơn, và tịnh tiến lên trên với mặt bằng lãi suất cao hơn nhiều so với trước Covid. Trên thị trường sơ cấp, khối lượng trúng thầu đã tăng mạnh so với tháng trước , với khoảng 24,65 nghìn tỷ đồng được phát hành, tương đương mức tăng 141,7% so với tháng trước. Tỷ lệ đặt thầu và tỷ lệ trúng thầu đều được cải thiện so với tháng trước. Do đó, lãi suất trúng thầu tăng trong kỳ hạn 10 năm (tăng 120 điểm cơ bản, đạt 4,2%), và trong kỳ hạn 15 năm (tăng 110 điểm cơ bản, đạt 4,4%). Từ đầu năm tới nay, KBNN mới hoàn thành 36,7% kế hoạch phát hành năm, với điều kiện hiện tại KBNN có thể sẽ khó hoàn thành kế hoạch trong năm nay.

Trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, chỉ có duy nhất 1 đợt phát hành trái phiếu của công ty Núi Pháo trong lĩnh vực tài nguyên cơ bản với tổng giá trị là 210 tỷ đồng, sụt giảm 99,7% so với cùng kỳ năm 2021.

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	LN từ đầu năm
2020	0.4%	0.5%	-0.3%	0.5%	0.9%	0.6%	0.4%	0.5%	0.4%	0.7%	0.6%	0.3%	5.7%
2021	0.6%	0.5%	0.4%	0.6%	0.6%	0.6%	0.6%	0.9%	0.5%	0.6%	0.7%	0.9%	7.7%
2022	0.8%	0.6%	0.7%	0.7%	0.8%	0.5%	0.6%	0.6%	0.7%	0.6%			6.7%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital ("Công ty") soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc gạ gẫm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hoặc hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.